

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Nhiều; ông Phạm Hồng Việt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vàng Mây L sinh 20/02/2000. Số CCCD 002300007958. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh H (Nay là thôn T, xã L, tỉnh T). Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Chảo Láo S, sinh 23/3/1993. Số CCCD 002093004706. Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh H (Nay là thôn T, xã L, tỉnh T). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2025 và bản tự khai ngày 03/5/2025 nguyên đơn chị Vàng Mây L trình bày: Năm 2013 anh Chảo Láo S và chị quen biết nhau do hai bên gia đình gán ghép muốn chị và anh Chảo Láo S kết hôn làm vợ chồng và sau đó theo phong tục địa phương, anh S có đến nhà chị để ở để tìm hiểu chị. Tuy nhiên trong quá trình anh S ở nhà bố mẹ chị để hai bên tìm hiểu nhau, nhưng hai anh chị không phát sinh tình cảm yêu đương. Mặc dù hai bên không có tình cảm, nhưng do sự gán ghép của hai bên gia đình nên ngày 08/4/2021 chị và anh S vẫn đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn giữa hai anh chị vẫn không phát sinh tình cảm, không phát sinh quan hệ vợ chồng, không có con chung dẫn đến việc anh S luôn cáu gắt, cục tính hay chửi bới đánh đập chị, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhiều lần, chị không thể chịu đựng được nên bỏ

nhà đi tìm việc làm để thoát ra khỏi sự ràng buộc vợ chồng và ly thân với anh S. Chị L cho rằng giữa chị và anh S trong suốt quá trình tìm hiểu cũng như trong thời gian là vợ chồng không phát sinh tình cảm, không có tiếng nói chung, luôn bất đồng về quan điểm và lối sống. Đến năm 2022, chị đã đến tỉnh Bắc Giang làm công nhân và đến tháng 6 năm 2024 chị chuyển về làm công nhân tại huyện Q, tỉnh B và thuê chỗ ở tại khu Đ1, phường N, thành phố B, tỉnh B. Nay xác định tình cảm vợ chồng không có, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị đề nghị được ly hôn với anh S. Về con chung: Không có. Về tài sản, công nợ chung, riêng: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2025 và tại phiên tòa bị đơn anh Chảo Láo S trình bày: Anh về ở nhà bố mẹ chị L từ nhỏ (từ lúc anh 12 tuổi), khi đó bố mẹ chị L hứa khi nào chị L lớn đủ tuổi kết hôn thì gả chị L cho anh. Đến năm 2021 anh và chị Vàng Mây L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh H (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 08/4/2021. Trước khi kết hôn anh S và chị L sống với nhau nhiều năm hạnh phúc, nhưng vào thời điểm năm 2015 anh S đi nghĩa vụ quân sự, chị L ở nhà ngoại tình đã có thai với người khác, sau khi anh S xuất ngũ về anh S vẫn yêu chị L nhưng chị L đã làm nhiều việc có lỗi với anh, anh tha thứ cho chị L nhưng L vẫn không thay đổi, vẫn bỏ đi nhiều lần. Anh S có nhờ gia đình hai bên khuyên bảo chị L nhiều lần nhưng chị L không nghe chị L vẫn tiếp tục ngoại tình và chị L đã bỏ đi làm, đi ở với người khác đến nay đã được 04 năm, anh S xác nhận anh và chị L sống ly thân đến nay đã được 04 năm. Nay chị L xin ly hôn, anh không nhất trí ly hôn đơn phương với lý do chị L phải có mặt tại địa phương để hai anh chị thỏa thuận, thống nhất với nhau. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, và công nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vàng Mây L chị Vàng Mây L được ly hôn với anh Chảo Láo S. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không đề nghị yêu

cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Vàng Mây L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vàng Mây L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Chảo Láo S cư trú tại thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh H (Nay là thôn T, xã L, tỉnh Tuyên Quang). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Vàng Mây L (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Mây L và anh Chảo Láo S kết hôn với nhau ngày 08/4/2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đ, tỉnh H (nay là UBND xã L, tỉnh T), việc kết hôn là tự nguyện. Quá trình chung sống hai vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc do bất đồng quan điểm và hai anh chị sống ly thân đến nay đã 04 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được chị L đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S, anh S không nhất trí ly hôn với chị L với lý do yêu cầu chị L phải có mặt tại địa phương để hai anh chị thỏa thuận, thống nhất với nhau. Quá trình xác minh thấy rằng chị L và anh S chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, bị đơn anh S cũng xác nhận anh chị chung sống không hạnh phúc và đã sống ly thân. Xét thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L. Xử cho chị Vàng Mây L ly hôn anh Chảo Láo S.

[3] Về con chung: Chị L và anh S xác nhận không có con chung.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L và anh S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị giải quyết.

[5] Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên HDXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị L theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vàng Mây L.

Xử cho chị Vàng Mây L được ly hôn anh Chảo Láo S.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Vàng Mây L.

5. Về quyền kháng cáo: Người có quyền kháng cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - TQ;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã L
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân

